

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 – 04 – 2024  
V/v Không công nhận quan hệ vợ  
chồng và nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;  
Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh ngày 13/01/1970; Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\*Theo Đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Nguyên vào năm 2005, bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không có đăng ký kết hôn. Lúc mới cưới, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng trong suốt thời gian hôn nhân hơn 18 năm, ông T không bao giờ biết

chăm chỉ làm việc, vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngược lại, ông T sống bảo thủ, mọi chi tiêu hàng ngày từ tiền sinh hoạt, tiền nuôi con ăn học, đều do một tay bà làm thuê, làm mướn mà có, để chăm lo cuộc sống cho 02 người con. Đến năm 2017, do sức chịu đựng có hạn, nên bà không thể nào chấp nhận một người chồng lười biếng, gia trưởng, tiền bà lao động vất vả đem về ông T liền tìm có chiếm lấy hết toàn bộ, nếu không đưa thì kiếm chuyện, gây sự vô cớ và bà đã tự rời nhà của mình từ đó cho đến nay đã được gần 07 năm.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà đồng ý giao hai con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 18/3/2006 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 30/3/2008 cho ông T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông T vắng mặt đến lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Từ năm 2005 đến nay,

bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T, cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, bà N và ông T có hai người con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 18/3/2006 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 30/3/2008, hiện đang sống với ông T.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[5] Xét thấy, hai con chung đều có nguyện vọng sống với cha; các người con chung này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao hai cháu Nguyễn Thành P và Nguyễn Hoàng Gia H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho bà N, không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông T đối với bà N.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà N phải chịu 300.000 đồng.

[9] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2) Về con chung: Giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 18/3/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 30/3/2008, đến đủ 18 tuổi; bà N được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông T đối với bà N.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011751, ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh Thắng**